

# SỰ CÔNG NHẬN ĐỊA VỊ QUỐC TẾ - CÔNG CỤ SỨC MẠNH TRONG CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI\*

PÁL RØREN\*\*

**Đ**ối với các quốc gia, việc tích lũy địa vị quốc tế luôn là một vấn đề quan trọng. *Địa vị quốc tế* được hiểu là vị thế được công nhận chung trong hệ thống phân cấp địa vị quốc tế, là một yếu tố quan trọng trong chính trị thế giới. Các nhà lãnh đạo và công dân của một quốc gia tin rằng, trong hệ thống chính trị quốc tế, địa vị quốc tế cao hơn sẽ mang lại nhiều quyền lực và ảnh hưởng hơn cho quốc gia của họ. Theo quan điểm của cựu Bộ trưởng Ngoại giao Na Uy J.Petersen, việc Na Uy cung cấp hỗ trợ quân sự cho Afghanistan đã nâng cao địa vị quốc tế của mình; đồng thời, cho phép nước này khai thác sự đoàn kết nội bộ và quốc tế để giải quyết các thách thức trong tương lai. Tương tự, công dân Mỹ cho rằng, địa vị quốc tế của nước Mỹ trong chính trị thế giới có giá trị cao là do các lợi ích từ các công cụ mà nó mang lại. Những lợi ích mang tính công cụ đó bao gồm các đặc quyền,

quyền ra quyết định và khả năng khiến các quốc gia khác phải thực hiện mong muốn của quốc gia có địa vị quốc tế cao hơn. Tuy nhiên, các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế cũng phải đối mặt với khả năng bị các quốc gia có địa vị quốc tế cao từ chối công nhận, ít nhất là từ các đối thủ cạnh tranh. Do đó, địa vị quốc tế cũng được coi như là một sự phân cấp về lợi ích và có tính cạnh tranh giữa các quốc gia.

## Tại sao các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế?

Địa vị quốc tế và uy tín trong quan hệ quốc tế (IR) đã trở thành một chương trình nghiên cứu. Làn sóng nghiên cứu này lần đầu tiên xuất hiện vào những năm 2000, tập trung xem xét địa vị quốc tế như là một động lực thúc đẩy các hành vi khác nhau của các quốc gia. Giới phân tích lập luận rằng, các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế bởi nó tạo ra quyền lực, sức ảnh hưởng và sự tôn trọng tự nguyện của các quốc gia khác trên trường quốc tế. Ở phương diện này, địa vị quốc tế được xem như là một công cụ và trở thành “*phương tiện để đạt được mục đích*” trong hệ thống phân cấp địa vị. Tuy nhiên, vẫn có rất ít bằng chứng trong các nghiên cứu quốc tế khẳng định địa vị quốc tế tạo ra quyền lực trong chính trị thế giới. Chính vì chưa được

\* *International Affairs*, vol.101, no.3, May 2025, pp.987-1004

\*\* Tiến sĩ Khoa học chính trị, Giám đốc Chương trình Luật và An ninh quốc tế, Đại học Nam Đan Mạch; chuyên gia nghiên cứu tại Khoa Chính trị và Nghiên cứu quốc tế, Đại học Cambridge, Vương quốc Anh

chứng minh nên việc tuyên bố địa vị quốc tế thúc đẩy quyền lực trong chính trị thế giới đôi khi “*chỉ được xem là một giả định*”. Các quốc gia có thể giành được địa vị quốc tế từ việc trở thành bên chiến thắng trong các cuộc chiến tranh, nhưng điều này không đồng nghĩa với việc họ giành được sự tôn trọng tự nguyện của các quốc gia khác, thậm chí là từ các nước bạn bè hoặc đồng minh. Tuy nhiên, ngay cả khi không nhận được sự tôn trọng tự nguyện từ các chủ thể quốc tế khác, việc tìm kiếm địa vị quốc tế vẫn rất quan trọng đối với các nhà lãnh đạo quốc gia vì điều đó thể hiện ý thức bản sắc, lòng tự hào của mỗi quốc gia, tác động mạnh mẽ đến tình hình chính trị trong nước, và khơi dậy tinh thần dân tộc của người dân.

#### **Tính công cụ của địa vị quốc tế**

Trong các nghiên cứu về địa vị quốc tế, một ví dụ thường được đưa ra là việc quốc gia A tìm kiếm địa vị quốc tế bằng cách theo đuổi sự công nhận từ các quốc gia B, C và D. Cách thức công nhận địa vị quốc tế giữa các quốc gia sẽ khác nhau về mức độ, có thể bao gồm việc cung cấp viện trợ, hòa giải ngoại giao hoặc tham gia chiến tranh. Sau đó, với nỗ lực của mình, quốc gia A sẽ nhận được sự công nhận chung từ các quốc gia B, C và D. Việc công nhận này dẫn đến sự gia tăng địa vị quốc tế của quốc gia A, đồng thời đem lại cho quốc gia này nhiều quyền lực hơn. Đối với quốc gia mong muốn có địa vị cao hơn, quyền lực thường được nhìn nhận dưới hình thức như một sự tôn trọng tự nguyện. Tuy nhiên, khái niệm này tạo ra những thách thức không nhỏ về phương pháp luận và cách thức phân tích vì không rõ khi nào và bằng cách nào các bên sẽ tuân theo

các quốc gia có địa vị quốc tế cao hơn, và đôi khi cũng khó tách biệt đâu là sự tôn trọng tự nguyện. Nhiều học giả cho rằng, các quốc gia có địa vị quốc tế cao có nhiều khả năng đạt được mục đích của mình hơn so với các quốc gia có địa vị quốc tế thấp hơn. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến quyền lực, khiến việc tách biệt tác động cụ thể của địa vị quốc tế cũng trở nên khó khăn hơn. Chính vì vậy, việc sử dụng yếu tố tôn trọng tự nguyện làm tiêu chuẩn để chứng minh giá trị công cụ của địa vị quốc tế cũng không thực tế.

Để nắm bắt sức mạnh của địa vị quốc tế, các học giả trong lĩnh vực quan hệ quốc tế đã tập trung nghiên cứu sâu các tác động xuất phát từ chính hành động công nhận thay vì chỉ hướng vào dấu hiệu tiềm ẩn của nó. Các công trình nghiên cứu hiện có về địa vị quốc tế trong quan hệ quốc tế đã đề cập đến hiện tượng này, cho rằng việc các quốc gia tìm kiếm và “*đạt được địa vị quốc tế khiến quốc gia này trở nên hữu ích đối với các cường quốc*”. Gần đây, trọng tâm phân tích của các nghiên cứu về địa vị quốc tế tập trung vào cách thức và lý giải tại sao các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế. Đáng chú ý, nghiên cứu cho thấy, các quốc gia luôn phải cạnh tranh với nhau để có được sự công nhận nhằm đảm bảo tham vọng về địa vị của riêng mình. Họ phải thuyết phục các quốc gia khác, thông qua hành động hoặc lời nói, rằng họ xứng đáng với địa vị mà họ mong muốn. Trong mối quan hệ này, các quốc gia công nhận địa vị quốc tế sẽ ở vị thế có quyền lực lớn hơn các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế, thậm chí họ có thể nắm giữ quyền lực xã hội đối với quốc gia này. Tuy nhiên, nếu địa vị quốc tế không được công nhận, các quốc gia tìm

kiếm sự công nhận có thể sẽ hành động theo các cách khác nhau, đôi khi trái với mong muốn của các quốc gia công nhận.

Các quốc gia có nền kinh tế lớn với khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và các quốc gia có năng lực quân sự luôn là những chủ thể được tính đến trong việc công nhận địa vị quốc tế. Trên thực tế, các quốc gia giàu có và có năng lực quân sự có thể làm cho các quốc gia khác trở nên giàu có và an toàn hơn thông qua các thỏa thuận thương mại, viện trợ phát triển hoặc đảm bảo quân sự. Đổi lại, các quốc gia giàu có này sẽ có thêm đối tác và nhận được lòng tin từ các quốc gia được công nhận. Chính vì thế, ngoài các thỏa thuận thương mại và hỗ trợ quân sự, việc công nhận địa vị quốc tế cũng góp phần chuyển đổi địa vị thành quyền lực trong hệ thống phân cấp quốc tế.

Quyền lực của địa vị quốc tế có thể được khởi xướng bởi người công nhận hoặc người tìm kiếm địa vị quốc tế. Ví dụ, việc Tổng thống Mỹ D.Trump thúc đẩy các nước thành viên của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) đạt được mục tiêu chi ít nhất 2% tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cho quốc phòng cho thấy, Mỹ hoàn toàn đạt được địa vị quốc tế cao, có sức ảnh hưởng lớn trên trường quốc tế. Trong nhiệm kỳ đầu tiên, Tổng thống D.Trump nhiều lần đề cập đến việc chia sẻ gánh nặng với một số quốc gia, nhất là các quốc gia vùng Baltic. Những nước này coi việc tăng chi tiêu quốc phòng là một động thái tìm kiếm địa vị quốc tế và trên thực tế, sau khi đạt được mục tiêu, Chính quyền Tổng thống D.Trump đã ca ngợi và công nhận địa vị của các quốc gia Baltic bằng cách mời lãnh đạo các

nước này đến Nhà Trắng, cho phép họ tham gia “*Câu lạc bộ hai phần trăm*” do Chính quyền Tổng thống D.Trump độc quyền thành lập.

Quyền lực của địa vị quốc tế cũng được thể hiện gián tiếp khi các quốc gia có địa vị thấp hơn có thể hành động để gây ấn tượng hoặc giúp đỡ các quốc gia có địa vị cao mà không cần động cơ trực tiếp. Trong nghiên cứu về sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế trong chính trị thế giới, các học giả cũng đưa ra một số bằng chứng và khám phá ra cách thức các quốc gia điều chỉnh chính sách đối ngoại để được các quốc gia khác công nhận. Tương tự như vậy, nghiên cứu thực nghiệm cũng cho thấy, công dân của một quốc gia luôn muốn quốc gia của họ thay đổi hành vi để tối đa hóa sự công nhận của quốc tế. Và như vậy, các quốc gia tìm kiếm sự công nhận sẽ hành động theo cách mà các quốc gia khác có thể đánh giá cao với hy vọng rằng họ sẽ được công nhận. Ba kỳ vọng lý thuyết đã được chứng minh trong nghiên cứu tình huống dưới đây.

*Kỳ vọng thứ nhất:* Việc khẳng định sức mạnh của sự công nhận *tăng lên theo quy mô khoảng cách địa vị giữa quốc gia tìm kiếm và quốc gia công nhận địa vị quốc tế*. Không phải tất cả các thỏa thuận thương mại và đảm bảo quân sự đều có giá trị như nhau. Trung bình, một thỏa thuận thương mại với Trung Quốc quan trọng hơn một thỏa thuận thương mại với quốc đảo Malta. Tương tự như vậy, các đảm bảo quân sự của các cường quốc lớn quan trọng hơn đối với các cường quốc nhỏ. Khi khoảng cách về năng lực càng lớn, thì một quốc gia nhỏ hơn sẽ càng coi trọng các thỏa thuận song phương với các cường quốc lớn. Cũng giống như sức mạnh của

các thỏa thuận thương mại và đảm bảo quân sự phát sinh từ loại hình kinh tế và năng lực quân sự của quốc gia, địa vị quốc tế của một quốc gia cũng quyết định giá trị của sự công nhận. Những quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế thường nhắm đến những quốc gia có vị thế đứng đầu trong hệ thống phân cấp địa vị quốc tế. Ví dụ, vào đầu thế kỷ XX, Na Uy tìm kiếm địa vị quốc tế từ Vương quốc Anh vì khi đó, Vương quốc Anh là cường quốc chính. Tuy nhiên, sau khi địa vị quốc tế của Vương quốc Anh suy giảm trong Chiến tranh lạnh, Na Uy đã chuyển sang tìm kiếm địa vị quốc tế từ Mỹ và Đức.

*Kỳ vọng thứ hai:* Sức mạnh của sự công nhận không chỉ phụ thuộc vào vị trí mà còn phụ thuộc vào năng lực và kỹ năng của quốc gia công nhận. Các quốc gia có địa vị quốc tế cao có thể từ chối công nhận các hành vi tìm kiếm địa vị từ các quốc gia nhỏ hơn; đặc biệt, điều này có thể xảy ra khi có sự thay đổi từ các chính phủ mới với những ưu tiên khác nhau khi nắm quyền. Ngược lại, sự công nhận quá mức địa vị quốc tế của các quốc gia nhỏ cũng làm giảm giá trị của các quốc gia có địa vị cao. Trong ngắn hạn, việc công nhận sẽ khiến nhiều quốc gia nhỏ làm theo ý của các quốc gia có địa vị cao hơn. Tuy nhiên, hành vi này sẽ bị dừng lại khi quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế không đạt được mục tiêu, trở nên thất vọng và thậm chí họ có thể chuyển sang thái độ thù địch với quốc gia có địa vị cao.

*Kỳ vọng thứ ba:* Việc công nhận có thể gây tổn kém. Một số hình thức công nhận có thể không đòi hỏi nhiều nỗ lực từ phía quốc gia công nhận. Thông thường, việc thừa nhận bằng lời nói hoặc một cuộc họp cấp quốc gia

được xem là những hành động công nhận không gây tổn kém. Ngược lại, việc cho phép các quốc gia tham gia vào một “*câu lạc bộ cường quốc*” hoặc các tổ chức quốc tế thường được coi là những hình thức công nhận tổn kém, thậm chí có thể ảnh hưởng đến các ưu tiên chính sách đối ngoại khác. Điều đó dẫn đến việc các quốc gia công nhận có thể do dự hoặc không công nhận nếu chi phí cho các hoạt động này quá tổn kém. Các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế thường dựa vào việc chi phí hoặc phô trương năng lực để gia nhập một câu lạc bộ hoặc đạt bước tiến mới trong hệ thống phân cấp của câu lạc bộ đó, tuy nhiên, kết quả không phải lúc nào cũng như mong đợi. Ví dụ, trong thế kỷ XIX, Trung Quốc và Nhật Bản đã tìm kiếm địa vị trong hệ thống các quốc gia được xem là “*văn minh*” bằng cách chuyển đổi hệ thống trong nước của họ. Tuy nhiên, vào thời điểm đó, không quốc gia nào được công nhận bởi chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đã củng cố trật tự địa vị quốc tế. Trong những năm gần đây, các quốc gia dân chủ có địa vị cao thường dễ dàng công nhận các quốc gia dân chủ nhỏ khác, nhưng họ lại không công nhận một quốc gia theo chế độ chuyên quyền, vì việc công nhận đó vô tình giúp hợp pháp hóa một cấu trúc chính phủ mà các quốc gia này phản đối.

Nhìn chung, các quốc gia, dù lớn hay nhỏ, thường tìm kiếm địa vị quốc tế từ những quốc gia có thứ bậc cao hơn trong hệ thống phân cấp địa vị quốc tế. Việc công nhận địa vị của các quốc gia thường thông qua các hình thức như: Mở đại sứ quán, thực hiện chuyến thăm cấp Nhà nước hoặc công nhận bằng lời nói. Trong gần 50 năm qua, với sức mạnh, tiềm lực

kinh tế và quân sự, Mỹ có địa vị quốc tế cao, dẫn đầu hệ thống phân cấp địa vị quốc tế và đã nhận được lời đề nghị công nhận từ cả các cường quốc lớn và các cường quốc nhỏ hơn. Trong bối cảnh ngày càng nhiều quốc gia có nhu cầu về công nhận địa vị quốc tế, các quốc gia dẫn đầu hệ thống phân cấp địa vị quốc tế như Mỹ có thể đưa ra các điều kiện tăng giá và buộc các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế phải trả để được công nhận. Trong khi đó, nếu nhiều quốc gia cùng tìm kiếm địa vị quốc tế từ một quốc gia, họ sẽ cần phải tìm cách thể hiện sự nổi bật hơn để được công nhận. Thuật ngữ “*nổi bật*” ở đây được hiểu là các quốc gia phải làm nhiều hơn những gì được mong đợi hoặc theo một cách nào đó vượt trội hơn hoặc “lấn át” những quốc gia đối thủ. Trường hợp của Mỹ cho thấy giới hạn của sự công nhận địa vị quốc tế. Với tư cách là một cường quốc đơn cực, Mỹ có lợi ích ở hầu hết mọi “ngóc ngách” trên thế giới và trên hầu hết các vấn đề chính sách. Phạm vi lợi ích chính sách khiến việc công nhận địa vị quốc tế đôi khi xung đột với lợi ích quốc gia. Điều này đặc biệt đúng với các tình huống khi mà Mỹ vừa là bên công nhận, đồng thời lại vừa là đối thủ; thậm chí còn đúng hơn khi Mỹ và các quốc gia khác có các hình thức chính phủ, hệ thống kinh tế hoặc các ưu tiên chính sách đối ngoại khác nhau. Mối quan hệ Mỹ - Nga đã cho thấy rõ khía cạnh này.

### **Sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế**

Sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ được thể hiện rõ nhất trong mối quan hệ của nước này với các cường quốc đồng minh vừa và nhỏ, trong đó các nước Bắc Âu được xem là nhóm kiên quyết nhất trong số

các quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế. Các quốc gia này tìm kiếm địa vị quốc tế bằng cách cố gắng để “*được coi là các đối tác tốt, đáng tin cậy trong một thỏa thuận*” thông qua việc tham gia các liên minh quân sự do Mỹ lãnh đạo. Thực tế, các quốc gia Bắc Âu đã cùng Mỹ tham chiến ở nhiều khu vực, thậm chí ở những nơi mà các quốc gia này không có lợi ích cụ thể và chiến đấu chống lại các nhóm hoặc các quốc gia không gây ra mối đe dọa cho họ. Thay vào đó, mục tiêu chính của các quốc gia Bắc Âu là tìm cách để được Mỹ công nhận địa vị quốc tế của họ. Ngay trước khi nhậm chức Thủ tướng Đan Mạch (năm 2001), Anders Fogh Rasmussen đã nói rằng, ông ủng hộ “*sự tham gia tích cực vào các hoạt động quân sự quốc tế để đem lại cho Đan Mạch một vị thế mạnh mẽ hơn trên trường quốc tế so với quy mô của mình*”. Sau đó, ông đã trích dẫn “*tâm nhìn*” của Đan Mạch là lý do khiến nước này tham gia liên minh quân sự do Mỹ lãnh đạo ở Afghanistan và Iraq. Tương tự, các quan chức quốc phòng của Na Uy lo ngại vị thế của Na Uy sẽ giảm sút trong mắt các đồng minh Mỹ và NATO khi nước này chưa sẵn sàng đóng góp quân sự cho chiến dịch tự do bền vững. Trong cuộc phỏng vấn năm 2010, Bộ trưởng Quốc phòng Na Uy Kristin Krohn Devold đã tuyên bố rằng, điều quan trọng là phải gửi quân sớm và coi đây là một thông điệp của Na Uy gửi đến người Mỹ, để đảm bảo nhận được sự công nhận của Mỹ. Các hành động quân sự của các quốc gia Bắc Âu trong các liên minh quân sự do Mỹ lãnh đạo cũng được thiết kế để tối đa hóa khả năng hiển thị và đảm bảo sự công nhận từ Mỹ. Tuy nhiên, các quốc gia Bắc Âu cũng phải cạnh tranh với nhau và tìm

cách thể hiện sự nổi bật hơn so với các quốc gia khác trong nội khối. Na Uy và Đan Mạch, đôi khi là những quốc gia đóng góp quân đội lớn nhất, thậm chí đảm nhận các nhiệm vụ nguy hiểm mà không quốc gia nào muốn thực hiện. Các quốc gia như Na Uy và Đan Mạch cũng nằm trong số ít thành viên NATO sẵn sàng thả bom xuống Libya (năm 2011), Iraq (năm 2014-2015) và Iraq/Syria (năm 2016).

Chi phí công nhận địa vị quốc tế của Mỹ đối với các quốc gia Bắc Âu là tương đối thấp. Các quốc gia Bắc Âu mong đợi phần thưởng dưới hình thức “*thiện chí*” và “*sự công nhận của công chúng*”. Điều này bao gồm việc gia tăng ảnh hưởng của các quốc gia Bắc Âu trong NATO, đặc biệt là khả năng tiếp cận các nhà lãnh đạo hoạch định chính sách của Mỹ. Một số kỳ vọng đã được Mỹ đáp ứng, như trong trường hợp của Đan Mạch. Thủ tướng Đan Mạch Anders Fogh Rasmussen thường xuyên gặp gỡ Tổng thống Mỹ G.W.Bush, trong khi các nhà ngoại giao Đan Mạch đã tham gia vào các vòng tròn chính sách khép kín của Mỹ; đồng thời, các nhánh quân sự và tình báo của Đan Mạch cũng nhận được sự hỗ trợ của Mỹ. Hơn nữa, với sự hậu thuẫn của Mỹ, Thủ tướng Đan Mạch Anders Fogh Rasmussen đã trở thành Tổng Thư ký NATO vào năm 2009. Năm 2014, người kế nhiệm chức vụ này chính là cựu Thủ tướng Na Uy Jens Stoltenberg.

Trong thời kỳ Tổng thống B.Obama nắm quyền, Mỹ đã làm loãng sự công nhận địa vị quốc tế đối với các cường quốc vừa và nhỏ, bao gồm các nước Bắc Âu. Mặc dù vậy, các quốc gia Bắc Âu đã tận dụng được sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ về mặt chính trị, thể hiện qua

kết luận của Ủy ban Điều tra về chiến tranh Afghanistan do Chính phủ Na Uy thành lập. Nội dung báo cáo của Ủy ban này đánh giá rằng, điều quan trọng hơn đối với Na Uy là “*được coi là một bên đóng góp có năng lực tại Washington và Brussels*” thay vì được đánh giá dựa trên những tác động trực tiếp của nước này trên thực địa. Trong cuốn hồi ký viết năm 2016, ông Jens Stoltenberg đã khẳng định: “*Dù sự tham gia của Na Uy vào các cuộc ném bom Libya của NATO năm 2011 đã gây ra những tổn thất về kinh tế và chính trị*”, nhưng “*nỗ lực của Na Uy đã gây ấn tượng mạnh mẽ đối với các đồng minh của chúng tôi tại NATO, Washington, Paris và London*”. Tương tự như vậy, Chính phủ Đan Mạch liên tiếp tuyên bố những đóng góp của mình cho các liên minh quân sự do Mỹ lãnh đạo đã thành công và được các đồng minh, đặc biệt là Mỹ khen ngợi, tôn trọng. Một số học giả trong lĩnh vực quan hệ quốc tế cho rằng, sự tham gia của quân đội các nước Bắc Âu trong liên minh quân sự NATO là cái giá phải trả để giành được sự công nhận địa vị quốc tế và quyền tiếp cận với các nhà hoạch định chính sách của Mỹ.

Sự công nhận địa vị quốc tế từ Mỹ cũng có giá trị đối với các quốc gia lớn hơn, đặc biệt là những quốc gia mong muốn gia nhập “*câu lạc bộ cường quốc*”. Mặc dù việc gia nhập “*câu lạc bộ cường quốc*” không chi phụ thuộc vào Mỹ, nhưng sự công nhận của Mỹ vẫn được coi như một phép thử đối với vị thế cường quốc. Do đó, một cường quốc vốn đã có vị thế, vẫn mong muốn tìm kiếm sự công nhận của Mỹ với tư cách là quốc gia có vị thế quốc tế cao hơn.

Trong Chiến tranh lạnh, Liên Xô được coi là một siêu cường có địa vị ngang bằng với Mỹ.

Nhưng khi chế độ suy tàn và địa vị của Liên Xô suy yếu, các nhà lãnh đạo Liên Xô và Nga đều tìm kiếm sự công nhận địa vị quốc tế mới từ Mỹ. Sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ đã khuyến khích các nhà lãnh đạo Liên Xô và sau này là Nga như M.Gorbachev, B.Yeltsin và V.Putin hành động nhiều hơn. Dưới thời M.Gorbachev, để theo đuổi sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ, M.Gorbachev đã hợp tác với Mỹ nhiều hơn, thậm chí ông còn từ bỏ cuộc chiến trước đây để đảm bảo một nước Đức thống nhất không tham gia NATO và Liên Xô duy trì quyền cai trị các vùng lãnh thổ rộng lớn. M.Gorbachev kỳ vọng sự công nhận của Mỹ sẽ đảm bảo cho Liên Xô là một quốc gia ngang hàng, cũng như giúp M.Gorbachev có khả năng hợp tác với Mỹ ở mức độ lớn hơn và tuân thủ trật tự quốc tế tự do do Mỹ lãnh đạo. Như vậy, việc chuyển giao tự nguyện và giảm bớt vị thế của Liên Xô dưới thời M.Gorbachev phù hợp chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của Mỹ. Từ năm 1991, dưới thời Tổng thống B.Yeltsin, ông đã tiến hành các cải cách trong nước đi kèm với động lực khôi phục lại vị thế cường quốc của Nga. Chính vì thế, việc Mỹ liên tục triển khai mở rộng NATO về phía Đông đã gặp phải sự phản đối kịch liệt từ B.Yeltsin. Để cứu vãn vị thế của Nga, giới cầm quyền Mỹ đã đề nghị Nga trở thành thành viên của Nhóm Các nước phát triển (G7). B.Yeltsin không hề bị xúc phạm trước đề nghị này của Mỹ, vì trên thực tế, hồi ký của ông cho thấy, ông khá tự hào khi được Mỹ mời gia nhập câu lạc bộ Nhóm G7. Tổng thống B.Yeltsin sẵn sàng từ bỏ những gì ông hy vọng về phạm vi ảnh hưởng của nước Nga mới để được Mỹ công

nhận là thành viên của Nhóm G7. Sau này, với sự tham gia của Nga, Nhóm G7 được chuyển thành Nhóm G8. Trong giai đoạn đầu khi Tổng thống V.Putin nắm quyền, ông cũng tìm cách để nhận được sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ. Sau vụ khủng bố ngày 11-9-2001, trong những ngày đầu của “cuộc chiến chống khủng bố” do Mỹ lãnh đạo, Nga đã tham gia vào quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, chia sẻ thông tin tình báo, tham gia các nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn, hỗ trợ Mỹ trong các biện pháp chống Taliban ở Afghanistan. Năm 2009, khi Tổng thống Mỹ B.Obama bắt đầu các cuộc đàm phán về Hiệp ước New START (Hiệp ước Kiểm soát vũ khí hạt nhân song phương duy nhất giữa Mỹ và Nga), Nga coi đây là cơ hội để được Mỹ công nhận vị thế cường quốc của mình. Tại thời điểm đó, Nga cũng mở ra các hành lang hàng không quân sự mới cho Mỹ với hy vọng đạt được vị thế cao hơn; đồng thời, nói lỏng lập trường của mình về tư cách thành viên của các quốc gia Baltic trong NATO, cho phép Mỹ lưu trữ các đầu đạn đã tháo dỡ và trừng phạt chương trình hạt nhân của Iran. Như vậy, sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế của Mỹ có thể thấy rõ trong mối quan hệ giữa Mỹ và Nga. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, điều đó cũng cho thấy những hạn chế của việc công nhận địa vị quốc tế mà Mỹ đưa ra không làm Nga hài lòng. Nước Nga dưới thời V.Putin đã thay đổi thái độ sau khi mức độ công nhận của Mỹ được cho là không đủ với những gì Nga đã “bỏ ra”. Những hành động sau này của Nga dưới quyền lãnh đạo của V.Putin như: Việc tham gia của Nga tại Syria, cuộc chiến chống lại Gruzia, các cuộc chiến

tranh Chechnya, việc sáp nhập Crimea và sau đó là cuộc chiến tranh toàn diện chống lại Ukraina, cho thấy hình thức phản ứng đáp trả của Tổng thống Nga V.Putin trước các hành động không công nhận của Mỹ.

Các quốc gia như Trung Quốc và Brasil cũng đã tìm kiếm sự công nhận địa vị quốc tế từ Mỹ, và Mỹ cũng được hưởng lợi từ việc tìm kiếm địa vị này. Nhưng khi việc tìm kiếm địa vị quốc tế của Trung Quốc và Brasil không được Mỹ công nhận, các quốc gia này đã có hành động “bất chấp Mỹ”. Cũng giống như Nga, vụ khủng bố ngày 11-9-2001 đã tạo cơ hội cho Trung Quốc tìm kiếm sự công nhận địa vị quốc tế từ Mỹ. Trung Quốc đã tận dụng ảnh hưởng với Pakistan để khuyến khích nước này hợp tác với Mỹ ở Afghanistan, theo dõi những kẻ khủng bố bị truy nã, chia sẻ thông tin tình báo và đồng ý thành lập một văn phòng của Cục Điều tra Liên bang Mỹ (FBI) tại Bắc Kinh. Tuy nhiên, Trung Quốc đã phản ứng khi cho rằng sự công nhận của Mỹ đối với những hành động mà Trung Quốc đã làm là không đủ. Sau đó, Trung Quốc đã tìm cách thiết lập các thể chế thay thế và cạnh tranh trong lĩnh vực quản trị toàn cầu với Mỹ; đồng thời, đặc biệt tỏ thái độ quyết liệt hơn ở những nơi mà Trung Quốc coi là khu vực ảnh hưởng của mình.

Brasil là quốc gia Nam Mỹ duy nhất cùng Mỹ tham gia cả hai cuộc chiến tranh thế giới, dù không có lợi ích trực tiếp trong cả hai cuộc chiến này. Năm 1965, Brasil cùng Mỹ can thiệp quân sự vào Cộng hòa Dominica và ủng hộ rộng rãi các cuộc can thiệp của Mỹ vào Trung Mỹ, góp phần củng cố sự thống trị của Mỹ trong khu vực. Tuy nhiên, vào cuối những năm

2000, Tổng thống Brasil Lula da Silva đã “*thất vọng vì sự công nhận*” từ Mỹ. Các chính phủ kế tiếp tại Brasil cũng thay đổi lập trường, chuyển từ hợp tác sang gia tăng đối kháng nhiều hơn với Mỹ. Năm 2003, Brasil không ủng hộ cuộc xâm lược Iraq của Mỹ, chỉ trích dự án về khu vực mậu dịch tự do của Mỹ tại khu vực Nam Mỹ, thể chế hóa và tích cực tham gia hoạt động của Nhóm Các nền kinh tế mới nổi (BRICS - bao gồm Brasil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), coi đó như là một đối trọng với sự thống trị của Mỹ và cố gắng thúc đẩy hội nhập khu vực nhằm loại trừ ảnh hưởng của Mỹ.

#### **Tiềm năng và giới hạn từ sự công nhận của Mỹ**

Trường hợp của Mỹ đã chứng minh động lực cơ bản của sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế. *Đầu tiên*, các nghiên cứu cho thấy, sự công nhận góp phần chuyển đổi địa vị quốc tế thành quyền lực. Các quốc gia có địa vị quốc tế cao có thể thuyết phục các quốc gia có địa vị quốc tế thấp hơn hành động theo lợi ích của mình mà không cần phải ép buộc họ. *Thứ hai*, khoảng cách địa vị giữa quốc gia công nhận và quốc gia tìm kiếm địa vị quốc tế ảnh hưởng đến sức mạnh của sự công nhận. Sức mạnh từ sự công nhận của Mỹ cũng áp dụng cho các cường quốc đang trỗi dậy, nhưng nhiều nước đang thể hiện thái độ thất vọng với các rào cản mà Mỹ đưa ra trong quá trình trở thành thành viên hoặc gia nhập “*Câu lạc bộ cường quốc*”. Do đó, các cường quốc đang trỗi dậy đã chuyển sang tìm kiếm địa vị quốc tế mang tính sáng tạo và cạnh tranh hơn. Điều này cho thấy, các cách tiếp cận của Mỹ trong sử dụng công cụ về sự công nhận địa vị quốc tế không phải lúc nào cũng có

lợi, thậm chí còn có hại cho Mỹ. Thứ ba, mối quan hệ của Mỹ với các cường quốc đang trở dậy cũng thể hiện các giới hạn về sự công nhận của Mỹ. Trong trường hợp của Nga, từ lâu, nước này đã muốn có phạm vi ảnh hưởng riêng của mình và đã nhiều lần kêu gọi Mỹ dừng việc mở rộng NATO ở Đông Âu nhưng không được Mỹ đáp ứng. Tuy nhiên, có nhiều lý do khiến việc công nhận của Mỹ không phù hợp với kỳ vọng của Nga, trong đó lý do lớn nhất xuất phát từ chi phí công nhận. Việc cung cấp hình thức công nhận mà Nga mong muốn sẽ định vị Nga có địa vị quốc tế ngang bằng với Mỹ, trong khi đó, việc chấp nhận phạm vi ảnh hưởng của Nga hoặc từ bỏ an ninh của các quốc gia tại khu vực Trung và Đông Âu sẽ đi ngược lại với lợi ích an ninh của Mỹ và các đồng minh.

Như vậy, các nội dung nghiên cứu nêu trên cho thấy, việc công nhận địa vị quốc tế có thể giúp các quốc gia chuyển đổi địa vị thành quyền lực trong chính trị thế giới. Quyền lực

của địa vị quốc tế được thể hiện ở chỗ các quốc gia có địa vị quốc tế cao sử dụng hình thức khuyến khích các quốc gia khác thực hiện các hành động đem lại lợi ích cho họ, từ đó sẽ công nhận địa vị quốc tế của các quốc gia này phù hợp với mức độ đóng góp và lợi ích đem lại. Nghiên cứu này giúp phát triển một cách thức mới về phương pháp luận và bước đầu tiếp cận khái niệm về sự tôn trọng tự nguyện trong việc công nhận địa vị quốc tế và uy tín trong quan hệ quốc tế, tập trung vào các đối tượng nghiên cứu là mối quan hệ an ninh của Mỹ đối với Nga và các nước Bắc Âu. Tuy nhiên, do vấn đề công nhận địa vị quốc tế vẫn đang tiếp tục diễn ra ở nhiều khu vực trong đời sống chính trị thế giới nên cần có thêm các nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ và tạo cơ sở cho việc tiếp tục nghiên cứu về sức mạnh của sự công nhận địa vị quốc tế trong chính trị thế giới trong tương lai ■

**ĐẶNG TRƯỜNG SƠN** lược dịch  
**NGUYỄN THU HƯƠNG** hiệu đính